BỘ CÔNG THƯƠNG
CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG

PHỤ LỤC SỐ 1

BÁO CÁO SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG CÔNG CHỨC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG TỪ NĂM 2013 ĐẾN NĂM 2017

(Phụ lục kèm theo văn bản số: 1098 /QLTT-TCXDLL ngày 09 tháng 8 năm 2017)

TT	Năm	Cơ cấu tổ chức					Số công chức được cấp Thẻ kiểm tra thị trường	Biên chế công chức và hợp đồng lao động														
								Hợp đồng lao động theo NĐ 68/2000/NĐ-CP	Hợp đồng lao động khác (nếu có)	Công chức												
		Lãnh đạo Chi cục	Số Phòng	Lãnh đạo Phòng	Số Đội Quản lý thị trường	Lãnh đạo Đội Quản lý thị trường				Tổng số	Nữ	Đảng viên	Dân tộc thiểu số	Chuyên viên cao cấp	Kiểm soát viên cao cấp thị trường	Chuyên viên chính	Kiểm soát viên chính thị trường	Chuyên viên	Kiểm soát viên thị trường	Cán sự	Kiểm soát viên trung cấp thị trường	Nhân viên kiểm soát thị trường
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)
1	Năm 2013																					
2	Năm 2014																					
3	Năm 2015																					
4	Năm 2016																					
5	Năm 2017																					

(Ghi chú: Năm 2017 số liệu báo cáo tính đến ngày 31/7/2017)

BỘ CÔNG THƯƠNG
CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG

PHỤ LỤC SỐ 2

BÁO CÁO SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG CÔNG CHỨC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG TỪ NĂM 2013 ĐẾN NĂM 2017

(Phụ lục kèm theo văn bản số: 1098/QLTT-TCXDLL ngày 09 tháng 8 năm 2017)

TT	Năm	Số lượng công chức chia theo trình độ đào tạo bồi dưỡng																						
		Chuyên môn						Chính trị				Tin học		Ngoại ngữ					Quản lý nhà nước						
														Tiếng Anh		Ngoại ngữ khác								
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp	Cử nhân	Cao cấp	Trung cấp	Sơ cấp	Trung cấp trở lên	Chứng chỉ	Đại học trở lên	Chứng chỉ	Đại học trở lên	Chứng chỉ	Chứng chỉ tiếng dân tộc	Chuyên viên cao cấp	Chuyên viên chính	Chuyên viên	Chứng chỉ bồi dưỡng Kiểm soát viên chính thị trường	Chứng chỉ bồi dưỡng tiền công vụ Quản lý thị trường	Chứng chỉ bồi dưỡng ngạch Kiểm soát viên thị trường	Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ QLTT do các trường của Bộ Thương mại cấp trước năm 2005
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)
1	Năm 2013																								
2	Năm 2014																								
3	Năm 2015																								
4	Năm 2016																								
5	Năm 2017																								

Ghi chú: - Năm 2017 số liệu báo cáo tính đến ngày 31/7/2017;

- Cột (21): Thống kê số lượng công chức QLTT hiện tại đã được cấp chứng chỉ bồi dưỡng ngạch Kiểm soát viên chính thị trường;

- Cột (22): Thống kê số lượng công chức QLTT hiện tại đã được cấp chứng chỉ bồi dưỡng tiền công vụ Quản lý thị trường;

- Cột (23): Thống kê số lượng công chức QLTT hiện tại đã được cấp chứng chỉ bồi dưỡng ngạch Kiểm soát viên thị trường năm 2016, năm 2017;

- Cột (24): Thống kê số công chức QLTT hiện tại đã qua lớp bồi dưỡng nghiệp vụ QLTT do các trường của Bộ Thương mại cấp chứng chỉ trước năm 2005 (không thống kê chứng chỉ bồi dưỡng về một lĩnh vực cụ thể như bồi dưỡng nghiệp vụ chất lượng hàng hoá, bồi dưỡng sở hữu trí tuệ,...).

BỘ CÔNG THƯƠNG
CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG

PHỤ LỤC SỐ 3

BÁO CÁO SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG CÔNG CHỨC VÀ HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG NĂM 2017

(Số liệu tính đến ngày 31/7/2017)

(Phụ lục kèm theo văn bản số: 1098 /QLTT-TCXDLL ngày 09 tháng 8 năm 2017)

TT	Đơn vị, Họ tên	Năm sinh		Chức vụ	Đảng viên	Ngạch công chức hiện giữ						Trình độ đào tạo				Tin học		Ngoại ngữ					Trình độ QLNN			Bồi dưỡng nghiệp vụ QLTT				Trình độ lý luận chính trị			
						Kiểm soát viên cao cấp thị trường và tương đương	Kiểm soát viên chính thị trường và tương đương	Kiểm soát viên chính thị trường và tương đương	Kiểm soát viên trung cấp thị trường và tương đương	Nhân viên kiểm soát thị trường và tương đương	Hợp đồng lao động theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP	Trên đại học	Đại học	Cao đẳng, Trung cấp	Khác	Trung cấp trở lên	Chứng chỉ	Tiếng Anh		Ngoại ngữ khác		Tiếng dân tộc	Chuyên viên cao cấp và TĐ	Chuyên viên chính và TĐ	Chuyên viên và TĐ	Bồi dưỡng ngạchKiểm soát viên chính thị trường	Bồi dưỡng ngạch Kiểm soát viên thị trường	Bồi dưỡng tiền công vụ QLTT	Bồi dưỡng nghiệp vụ QLTT trước năm 2005	Cử nhân	Cao cấp	Trung cấp	Sơ cấp
		Nam	Nữ															Đại học trở lên	Chứng chỉ	Đại học trở lên	Chứng chỉ											
A	B	C	D	E	G	1	2	3	4	5	6	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
I	Văn phòng Chi cục																															
	Nguyễn Văn A	1965		CCT	X		X						X				X		X		X			X		X		X		X		
II	Phòng …																															
III	Đội QLTT số … (cơ động, quản lý địa bàn quận/huyện hoặc liên huyện)																															
	Tổng số																															

Ghi chú:

- Công chức đã được bổ nhiệm giữ các ngạch công chức chuyên ngành QLTT (Kiểm soát viên cao cấp, Kiểm soát viên chính thị trường, Kiểm soát viên thị trường, Kiểm soát viên trung cấp thị trường; Nhân viên kiểm soát thị trường) tích dấu (X) ; Công chức Quản lý thị trường chưa được bổ nhiệm vào các ngạch công chức chuyên ngành QLTT tích dấu (-) vào ô tương ứng với ngạch công chức chuyên ngành QLTT, ví dụ công chức đang giữ ngạch chuyên viên chính tích dấu (-) vào ô giữ ngạch Kiểm soát viên chính thị trường và tương đương;
- Công chức có trình độ đào tạo trên đại học: Nếu là Thạc sỹ tích dấu (X); nếu là Tiến sỹ thì ghi (TS);
- Cột (25): Công chức chưa có chứng chỉ tiền công vụ QLTT, ngạch Kiểm soát viên chính thị trường, ngạch Kiểm soát viên thị trường mà có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ QLTT cấp trước năm 2005 thì thống kê vào cột;
- Trình độ lý luận chính trị được xác định thông qua chứng chỉ hoặc giấy xác nhận thuộc trình độ nào của cơ quan có thẩm quyền cấp.

CHI CỤC TRƯỞNG
(Ký, đóng dấu)